

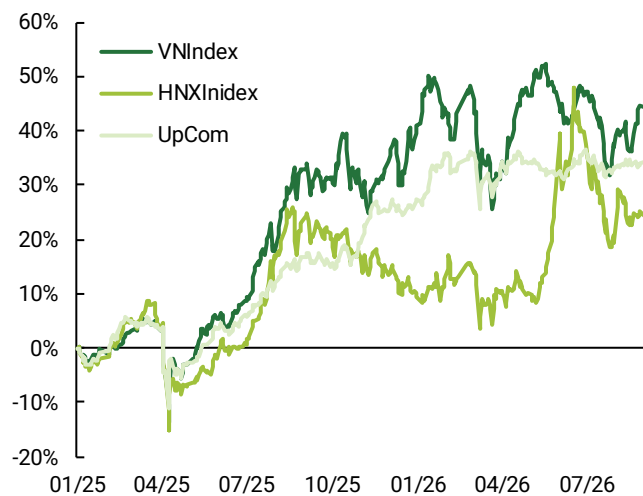
VN-Index **1827.72 (-0.24%)**
 693 Tr. cổ phiếu 17550.4 Tỷ VND (0.49%)

HNX-Index **282.24 (-0.89%)**
 45 Tr. cổ phiếu 757.5 Tỷ VND (-34.79%)

UPCOM-Index **127.78 (0.22%)**
 18 Tr. cổ phiếu 297.6 Tỷ VND (-24.66%)

VN30F1M **1955.50 (-1.31%)**
 225,935 HD OI: 25,661 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2025 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1827.7, giảm -4.4 điểm (-0.24%). Thanh khoản gần như đi ngang, với độ rộng nghiêng về bên bán. Đà giảm cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran nóng trở lại làm gia tăng tâm lý thận trọng trên thị trường. Dòng tiền cũng luân chuyển sang các nhóm ngành hưởng lợi từ biến động giá hàng hóa.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: NLG (+1.2%), VIC (+3.6%), SJS (+4.3%) | Hóa chất: DGC (+4.4%), DCM (+5.7%), DPM (+5.9%) | Dầu khí: PVD (+1.0%), BSR (+1.1%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: TCB (-3.9%), VPB (-3.1%), VCB (-2.3%) | Thực phẩm và đồ uống: ASM (-2.9%), TCO (-2.2%), DBC (-2.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VTP (-2.4%), GMD (-2.4%), VSC (-2.0%) | Tài nguyên Cơ bản: TNI (-3.5%), KSB (-3.3%), HSG (-2.3%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, SSB, VHM, BSR, DCM - Chiều giảm | VCB, TCB, VPB, MBB, HPG.
- Khối ngoại Bán ròng gần 1500 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VCB, VPB, TCB, trong khi mua ròng VIX, DPM, VPI.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Hammer, cho thấy lực cầu có phản ứng tại vùng giá thấp, song, diễn biến lại mang tính phân hóa sâu. Động lực tăng chủ yếu đến từ nhóm Vingroup, trong khi áp lực bán vẫn chi phối mặt bằng cổ phiếu. Dù vậy, trạng thái các mã biểu thị việc hạ nhiệt kiểm định các vùng hỗ trợ gần, chưa làm phá vỡ cấu trúc hồi phục. Chỉ số nhiều khả năng tiếp tục rung lắc, củng cố nền giá quanh vùng 1800-1830 điểm. Kháng cự cao hơn quanh ngưỡng 1860 điểm và hỗ trợ gần quanh 1780 điểm. Độ rộng sẽ là yếu tố cần theo dõi sát, bởi nếu chỉ số tiếp tục tăng nhờ nhóm vốn hóa lớn nhưng thiếu sự đồng thuận của mặt bằng cổ phiếu, đà đi lên sẽ kém bền vững và gia tăng rủi ro đảo chiều.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số giảm và phủ định đà tăng phiên trước. Vận động vẫn mang tính giằng co, tích lũy trong vùng 280 - 290 điểm. Kháng cự quan trọng quanh mức 290 điểm, trong khi hỗ trợ gần là ngưỡng 276.
- **Chiến lược:** Nhà đầu tư nên tập trung quản trị danh mục theo tín hiệu của từng cổ phiếu thay vì hành động theo diễn biến chỉ số. Nếu độ rộng tiếp tục thu hẹp và xuất hiện các mã phá vỡ những vùng hỗ trợ quan trọng, cần cân nhắc hạ tỷ trọng để kiểm soát rủi ro. Ngược lại, với các cổ phiếu vẫn giữ được vùng hỗ trợ gần, có thể tiếp tục nắm giữ. Ở chiều mua mới, nên thận trọng và tránh mua đuổi tại các nhịp tăng mạnh; chỉ cân nhắc thăm dò khi tín hiệu cân bằng thật sự rõ ràng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi VRE (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,827.7 ▼	-0.2%	-0.2%	3.7%	17,550.4 ▬	0.5%	9.4%	-9.0%	693.1 ▼	-1.8%	13.2%	-10.2%						
HNX-Index	282.2 ▼	-0.9%	-0.1%	1.1%	757.5 ▼	-34.8%	40.8%	-24.8%	45.4 ▼	-36.9%	38.2%	-30.0%						
UPCOM-Index	127.8 ▬	0.2%	0.5%	0.9%	297.6 ▼	-24.7%	-7.7%	-37.0%	18.1 ▼	-40.5%	28.1%	-39.3%						
VN30	1,961.6 ▼	-1.1%	-0.9%	2.3%	10,824.2 ▼	-3.5%	10.8%	-3.7%	278.4 ▼	-11.4%	7.3%	-14.2%						
VNMID	1,956.8 ▼	-0.9%	-1.0%	2.3%	5,798.4 ▲	7.2%	9.3%	-18.2%	297.9 ▲	6.3%	6.0%	-19.2%						
VNSML	1,254.1 ▼	-0.7%	-0.7%	0.3%	623.6 ▲	20.7%	-20.5%	-15.2%	47.9 ▲	21.6%	-25.8%	-28.9%						
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	633.1 ▼	-1.9%	-	-	5,206.7 ▼	-14.8%	129.7%	16.6%	222.0 ▼	-18.4%	124.4%	9.9%						
Bất động sản	1,050.5 ▲	2.4%	-	-	3,521.2 ▼	-3.3%	145.2%	15.6%	90.5 ▲	5.1%	155.9%	-2.1%						
Dịch vụ tài chính	285.6 ▼	-2.2%	-	-	1,948.7 ▼	-8.4%	138.7%	-10.7%	102.7 ▼	-8.9%	138.0%	-11.9%						
Công nghiệp	230.3 ▼	-1.4%	-	-	780.4 ▼	-19.8%	122.3%	-19.5%	27.4 ▼	-27.6%	109.8%	-23.9%						
Tài nguyên cơ bản	478.1 ▼	-2.1%	-	-	721.6 ▲	54.6%	203.1%	36.0%	38.4 ▲	59.3%	206.7%	34.8%						
Xây dựng - Vật Liệu	157.3 ▼	-0.8%	-	-	325.2 ▼	-3.6%	144.9%	-27.5%	21.0 ▲	4.8%	155.5%	-20.1%						
Thực phẩm	498.4 ▼	-1.1%	-	-	1,099.0 ▲	31.2%	183.3%	2.3%	28.5 ▲	37.2%	188.9%	11.4%						
Bán Lẻ	1,412.7 ▼	-2.3%	-	-	883.9 ▲	133.7%	249.2%	46.6%	12.5 ▲	117.0%	241.4%	46.8%						
Công nghệ	389.6 ▼	-1.4%	-	-	615.2 ▼	-39.1%	88.5%	29.9%	8.8 ▼	-37.5%	91.6%	1.6%						
Hóa chất	167.9 ▼	0.0%	-	-	713.4 ▲	118.2%	242.5%	133.8%	25.7 ▲	147.0%	255.5%	122.3%						
Tiện ích	759.0 ▼	-0.6%	-	-	373.5 ▲	35.0%	186.6%	5.2%	16.0 ▲	40.1%	191.3%	4.2%						
Dầu khí	108.4 ▬	0.8%	-	-	594.7 ▲	40.2%	191.56%	15.2%	21.6 ▲	39.6%	191.0%	6.1%						
Dược phẩm	392.8 ▼	-0.6%	-	-	34.3 ▲	19.1%	171.4%	-44.0%	2.2 ▲	84.5%	224.0%	0.6%						
Bảo hiểm	101.6 ▬	0.1%	-	-	34.6 ▲	59.4%	206.5%	4.4%	0.7 ▲	55.6%	203.4%	-0.5%						

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,827.7 ▼	-0.24%	2.4%	14.0x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,577 ▬	0.12%	25.2%	14.9x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,668 ▲	1.09%	-22.9%	14.4x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,683 ▬	0.45%	3.1%	15.2x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,069 ▬	0.27%	0.3%	9.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,942 ▬	0.02%	-0.7%	16.9x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,213 ▼	-0.39%	-1.6%	12.4x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	64,214 ▼	-0.17%	27.6%	21.0x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,667 ▬	0.46%	12.0%	26.3x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	53,062 ▬	0.56%	10.4%	23.2x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,772 ▬	0.15%	8.5%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,350 ▼	-0.19%	9.6%	17.3x	2.5x
DXV		99.2 ▼	-0.43%	0.9%		
USDVND		26,099 ▬	0.100%	-0.8%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

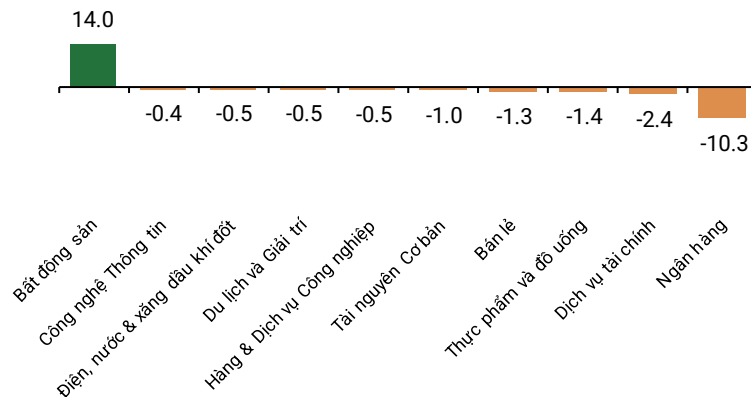
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.89%	16.3%	60.1%	44.1%
Dầu WTI	▲	2.08%	15.6%	61.8%	45.2%
Khí gas	▲	1.3%	7.7%	-18.7%	-2.3%
Than cốc (*)	▲	5.2%	17.2%	41.7%	36.9%
Thép HRC (*)	▼	-0.4%	3.6%	2.6%	-1.2%
PVC (*)	▼	-0.6%	6.3%	5.2%	-0.4%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	0.0%	-1.8%	-21.0%
Cao su thiên nhiên	▼	0.0%	10.3%	29.3%	33.0%
Bông Cotton	▼	-4.4%	1.6%	28.6%	27.6%
Đường	▼	-3.4%	20.3%	20.3%	12.7%
World Container Index	▼	-0.2%	4.9%	101.8%	110.7%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.9%	5.7%	104.6%	157.5%
Vàng	▲	1.05%	9.2%	2.5%	24.4%
Bạc	▬	0.52%	12.9%	-8.4%	59.3%

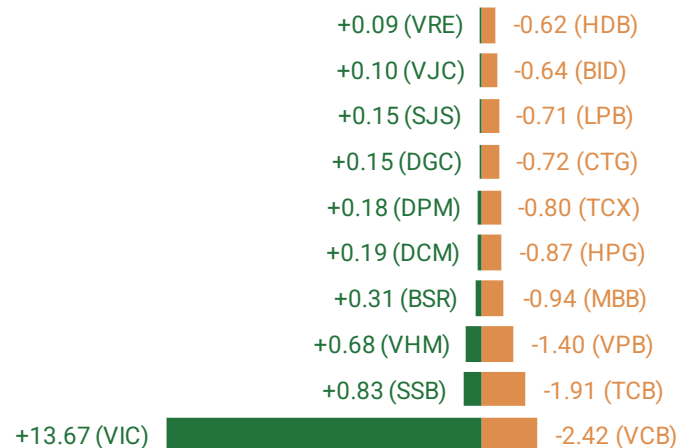
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

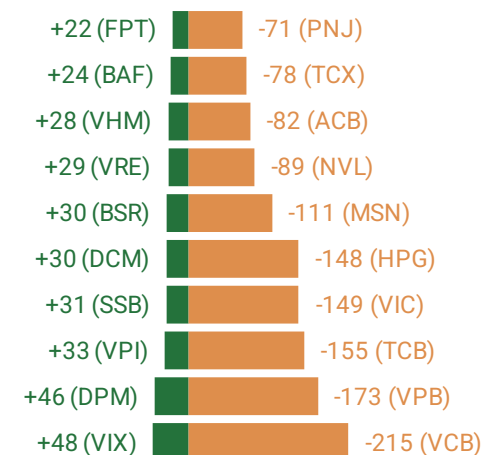


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

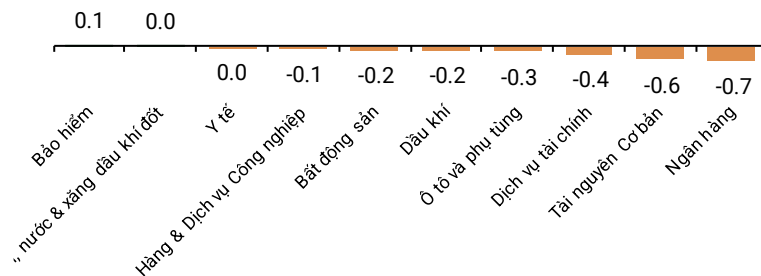


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

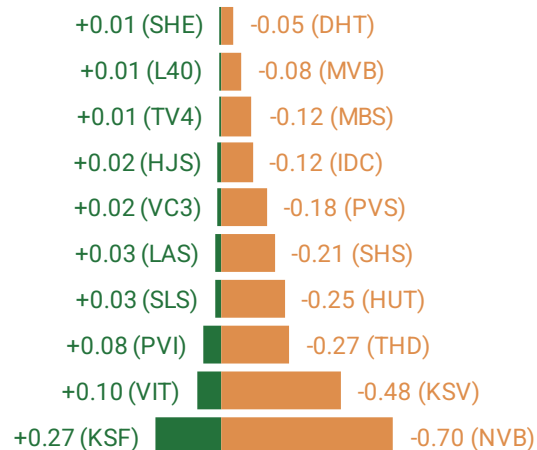
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



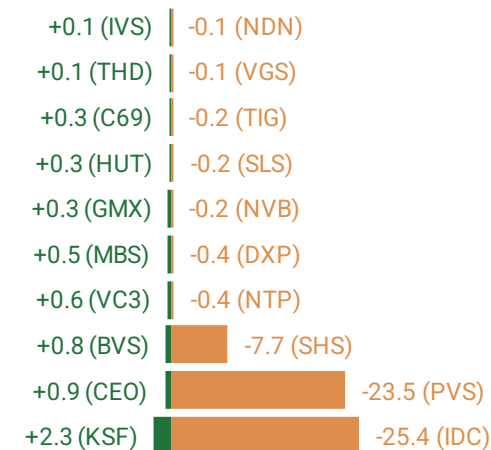
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	TCB	VPB	HPG	VCB
%DoD	3.6%	-3.9%	-3.1%	-2.3%	-2.3%
Giá trị	1,827	813	594	587	502

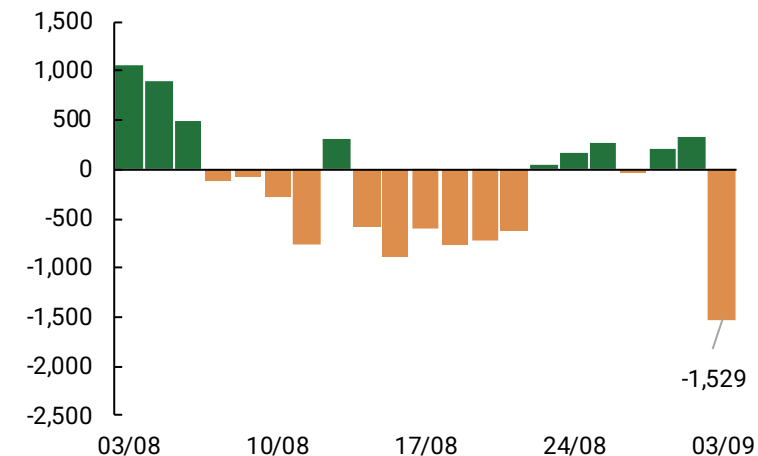
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	MWG	FPT	MSB	LPB	OCB
%DoD	-2.4%	-1.4%	0.0%	-2.3%	-0.9%
Giá trị	501	313	277	234	213

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



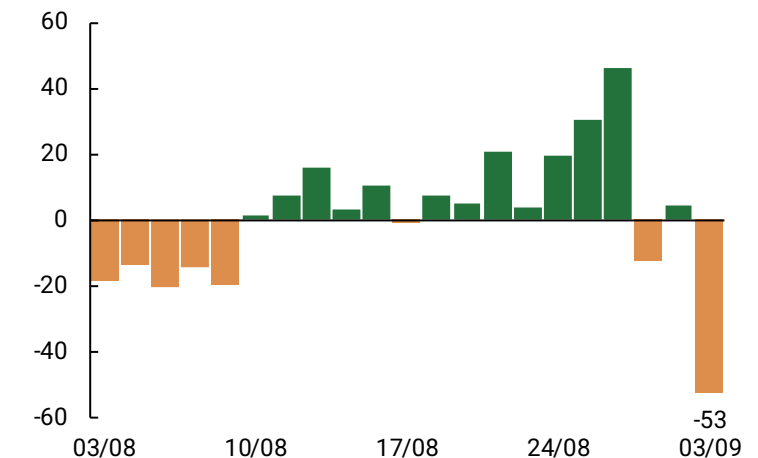
	SHS	PVS	CEO	MBS	IDC
%DoD	-2.5%	-1.5%	-0.8%	-1.1%	-1.5%
Giá trị	160	133	76	63	61

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	TIG	IDC	HMH	MBS	PVS
%DoD	-1.6%	-1.5%	-9.6%	-1.1%	-1.5%
Giá trị	9	6	4	1	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Hammer, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1780.
- ✓ Kháng cự: 1860.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: Chỉ số có xu hướng củng cố nền giá quanh vùng 1800 – 1830, mục tiêu kháng cự cao hơn là ngưỡng 1860 điểm. Dù vậy, động lực tăng đang dựa vào nhóm vốn hóa lớn, độ rộng có dấu hiệu suy yếu là điều cần chú ý. Vận động có thể tiếp tục rung lắc tái tạo đà trong chiều đi lên, với hỗ trợ duy trì xu hướng là ngưỡng 1780 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Hammer, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1840 | 1920
- ✓ Kháng cự: 2000.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.
- ✓ **Kịch bản:** Vận động lùi về kiểm định khu vực 1960 điểm phù hợp kỳ vọng. Trạng thái có thể tiếp tục rung lắc, nhằm tái tạo thêm đà. Chỉ số đang được giữ nhịp nhờ lực đỡ từ nhóm Vin, song, thanh khoản sụt giảm và độ rộng thu hẹp là điều cần lưu ý. Hiện hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1920 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	VRE	WATCH	Current price	26.30	P/E (x)	8.7
			Watch zone	25.4 - 25.8	P/B (x)	1.2
Exchange	HOSE		Target price	28.5	EPS	3025.5
			Cut loss price	24	ROE	14.6%
Sector	Real Estate Holding & Development				Stock Rating	BBB
				Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên ngưỡng MA20, MA50 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và cải thiện trên miền dương, trong khi RSI cũng duy trì trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - MA20 cắt lên MA50 sẽ giúp củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng tích lũy nền giá mới và có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, nếu giá điều chỉnh kiểm định tốt khu vực 25.4 – 25.8 có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VRE	Theo dõi	04/09/2026	26.30	25.4 - 25.8	-	28.5	11.3%	24	-6.3%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MCH	Mua	30/07/2026	-	142	135 - 136	4.8%	150	10.7%	129	-4.8%	
2	VCB	Mua	07/08/2026	-	58.7	58.5 - 59	-0.1%	65	10.6%	55.5	-5.5%	
3	HDB	Mua	10/08/2026	-	27.2	26.2 - 26.6	3.0%	28.6	8.3%	25.4	-3.8%	
4	CTR	Mua	11/08/2026	-	75.5	74.6 - 75.6	0.7%	83	10.7%	71.5	-4.7%	
5	BSR	Mua	12/08/2026	-	26.9	25.8 - 26.2	3.5%	29	11.5%	24.5	-5.8%	
6	SAB	Mua	12/08/2026	-	45.0	45.4 - 45.8	-1.3%	50	9.6%	43.5	-4.6%	
7	DGW	Mua	13/08/2026	-	40.9	40.5 - 41.5	-0.2%	45	9.8%	38.5	-6.1%	
8	VGC	Mua	24/08/2026	-	39.9	40 - 41	-1.5%	45	11.1%	38.5	-4.9%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1955.5, giảm 26.0 điểm (-1.3%). Giá chịu áp lực điều chỉnh trong phần lớn thời gian giao dịch.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD đã cắt xuống đường signal, cùng với RSI giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh đang chi phối. Dù vậy, biến động ở nhóm vốn hóa lớn có thể gây rung lắc mạnh cho vận động của hợp đồng. Vị thế Short chỉ nên cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1950. Vị thế Long cân nhắc khi giá phục hồi và củng cố được trên ngưỡng 1965.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1871.5, giảm 19.6 điểm (-1.0%). Độ lệch basis 2.7 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 39 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1860 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1880 điểm.

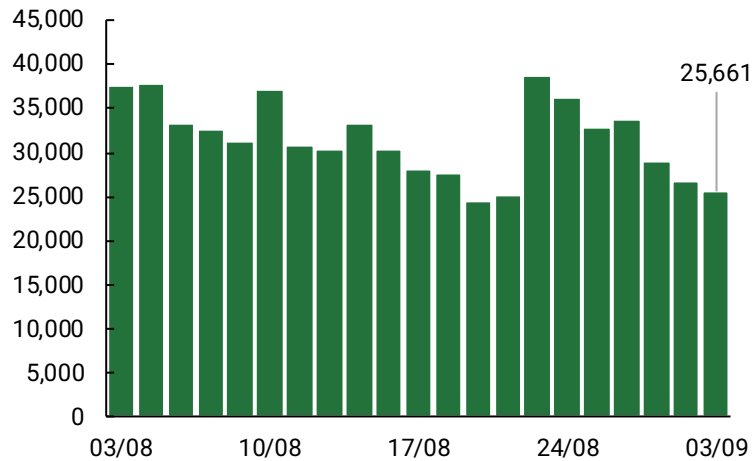
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1965	1979	1957	14 : 8
Short	< 1950	1936	1958	14 : 8

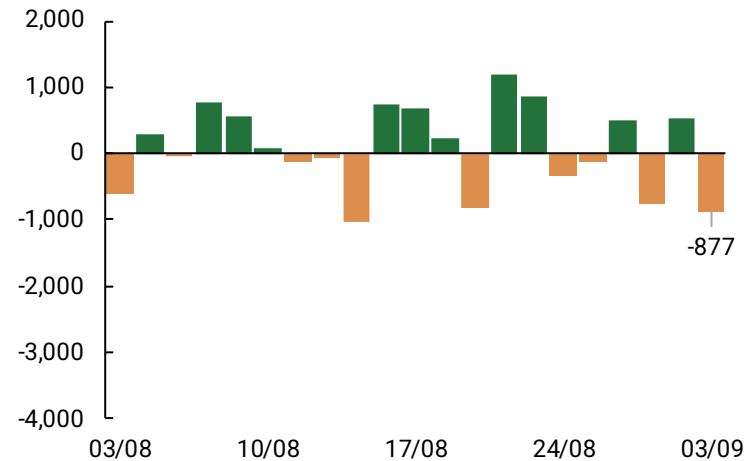
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,951.1	-29.5	40	213	1,979.7	-28.6	18/03/2027	196
4111GC000	1,953.7	-31.2	160	596	1,971.2	-17.5	17/12/2026	105
4111GA000	1,950.0	-29.0	390	653	1,965.4	-15.4	15/10/2026	42
4111G9000	1,955.5	-26.0	225,935	25,661	1,962.9	-7.4	17/09/2026	14
4112G9000	1,871.5	-19.6	39	31	1,875.4	-3.9	17/09/2026	14

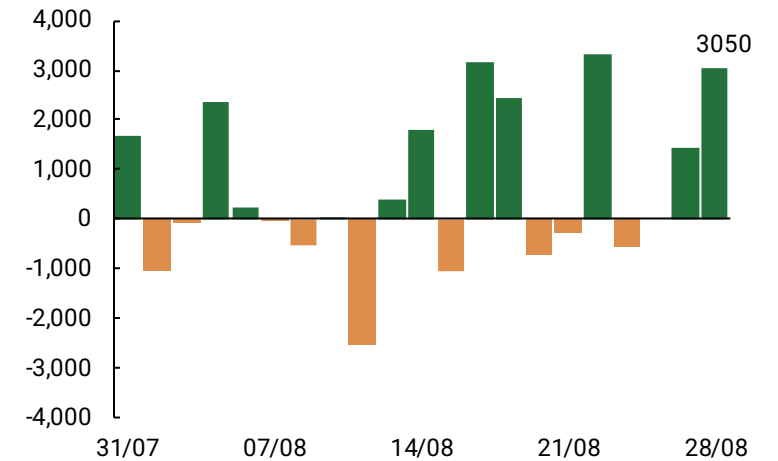
Khối lượng mở (Open interest)



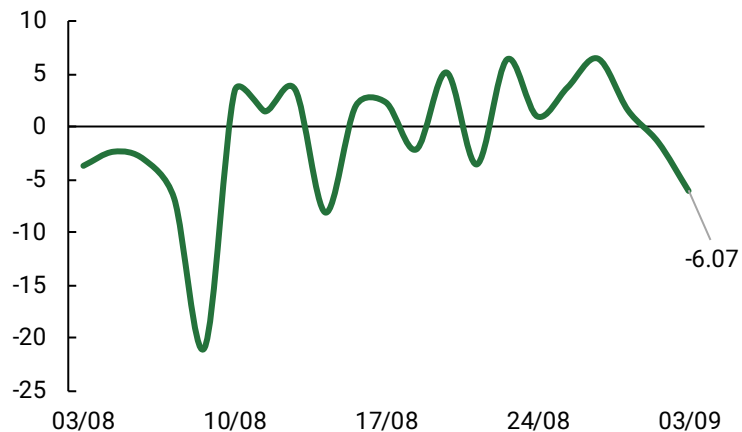
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



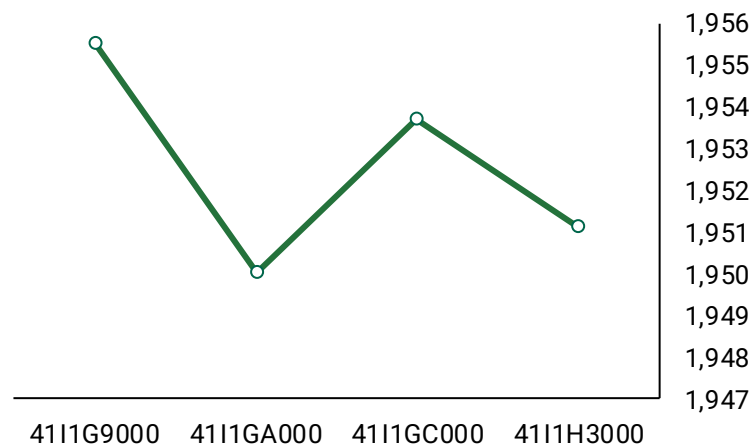
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



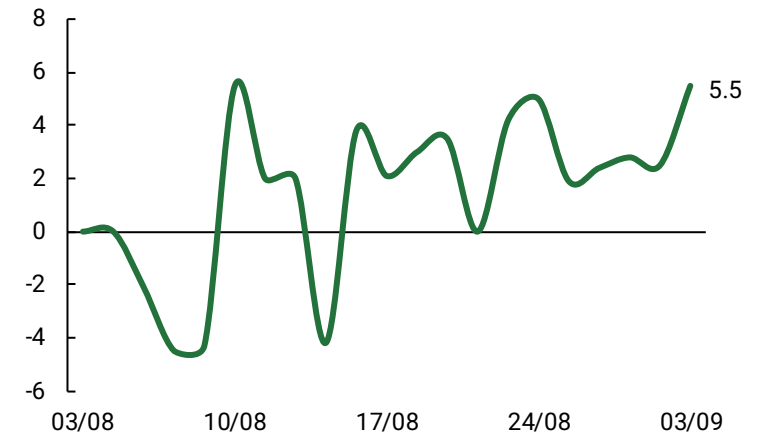
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/09	Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
03/09	Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
04/09	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/09	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10 – 11/09	Mỹ – Chỉ số PPI, CPI EU – ECB công bố lãi suất
12/09	Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
15/09	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
17/09	Mỹ – Fed công bố lãi suất Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
21/09	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
24/09	Thượng đỉnh Mỹ - Trung Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
30/09	Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

Xăng dầu đẩy CPI tháng 8 tăng: Theo Cục Thống kê, CPI tháng 8 tăng 0.47% so với tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới. Nhóm giao thông tăng mạnh nhất với 4.09%, tác động làm CPI chung tăng 0.41 điểm phần trăm; trong đó giá dầu diesel tăng 22.15% và giá xăng tăng 9.53%. Tính chung 8 tháng, CPI tăng 4.45% so với cùng kỳ, tiến sát mục tiêu kiểm soát lạm phát 4.5%; lạm phát cơ bản bình quân tăng 4.24%.

Thu ngân sách nhà nước 8 tháng đạt 80% dự toán: Bộ Tài chính cho biết tổng thu ngân sách nhà nước 8 tháng năm 2026 ước đạt 2,023.8 nghìn tỷ đồng, bằng 80% dự toán và tăng 16% so với cùng kỳ. Thu nội địa đạt 1,752.9 nghìn tỷ đồng, tăng 16.6%; thu từ dầu thô đạt 43.6 nghìn tỷ đồng, tăng 31.5%; thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 223.9 nghìn tỷ đồng, tăng 7.9%. Trong 8 tháng, tổng số tiền thuế, phí và tiền thuê đất được miễn, giảm, gia hạn khoảng 209.2 nghìn tỷ đồng.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

NVL - Kiểm toán nhấn mạnh vấn đề hoạt động liên tục: Novaland cho biết đã bán thành công 4 tài sản với tổng giá trị 11,266 tỷ đồng trong kế hoạch bán tài sản 15,617 tỷ đồng để thực hiện nghĩa vụ nợ. Kiểm toán nhấn mạnh dòng tiền kinh doanh 6 tháng đầu năm âm và một số khoản vay, trái phiếu đến hạn chưa được thanh toán, có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục. Tại ngày 30/6/2026, tổng nợ gốc vay và trái phiếu của NVL là 72,911 tỷ đồng, trong đó 16,716 tỷ đồng đã đáo hạn nhưng chưa thể thanh toán.

TV2 - Chủ tịch và Kế toán trưởng bị khởi tố: PECC2 công bố BCTC bán niên 2026 sau soát xét, trong đó kiểm toán đưa ra vấn đề nhấn mạnh liên quan việc Chủ tịch và Kế toán trưởng bị khởi tố trong quá trình điều tra một vụ án hình sự. Doanh nghiệp cho biết vụ án vẫn đang trong quá trình điều tra, chưa có kết luận chính thức và hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành vẫn duy trì bình thường. Nửa đầu năm, TV2 đạt 192.3 tỷ đồng LNST, cao gấp gần 5.8 lần cùng kỳ và vượt 192% kế hoạch lợi nhuận năm.

OIL - Doanh thu quốc tế 6 tháng vượt 60,000 tỷ đồng: PVOIL ghi nhận doanh thu thuần 6 tháng đầu năm đạt 136,569 tỷ đồng, tăng gần 88% YoY. Trong đó, doanh thu từ thị trường quốc tế đạt 60,329 tỷ đồng, tăng gần 95% và chiếm hơn 44% tổng doanh thu, chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh dầu quốc tế. LNST hợp nhất nửa đầu năm đạt 498.9 tỷ đồng, tăng hơn 115% so với cùng kỳ.

BSR - Dung Quất đón 1.25 triệu thùng dầu thô dịp Quốc khánh: Nhà máy Lọc dầu Dung Quất tiếp nhận 2 chuyến tàu dầu thô với tổng khối lượng khoảng 1.25 triệu thùng trong dịp Quốc khánh 2/9, giúp duy trì sản xuất liên tục. Trong 7 tháng đầu năm, BSR vận hành với công suất quy đổi bình quân khoảng 124%, sản lượng sản xuất đạt 4.76 triệu tấn sản phẩm và LNTT hợp nhất ước đạt 18,900 tỷ đồng.

SMC - Áp lực thanh khoản vẫn lớn dù đã có lãi trở lại: SMC ghi nhận doanh thu thuần 6 tháng đầu năm đạt 2,386.2 tỷ đồng, giảm hơn 37% YoY, nhưng chuyển sang lãi sau thuế 45.06 tỷ đồng nhờ lợi nhuận khác từ thanh lý tài sản. Kiểm toán cho biết nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục. Doanh nghiệp cũng đang ghi nhận khoảng 350.8 tỷ đồng bất động sản tại các dự án liên quan nhóm Novaland.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	42,350	73,400	73.3%	Mua
CTG	31,500	40,700	29.2%	Mua
CTD	61,600	82,900	34.6%	Mua
DBD	47,900	66,000	37.8%	Mua
DDV	18,399	35,900	95.1%	Mua
DGW	40,900	47,500	16.1%	Tăng tỷ trọng
DPG	28,900	42,300	46.4%	Mua
DPR	37,400	46,500	24.3%	Mua
DRI	14,284	17,200	20.4%	Mua
EVF	12,400	14,400	16.1%	Tăng tỷ trọng
FRT	142,900	151,000	5.7%	Nắm giữ
GMD	77,600	88,900	14.6%	Tăng tỷ trọng
HAH	47,500	58,300	22.7%	Mua
HDG	16,700	30,900	85.0%	Mua
HHV	10,000	11,700	17.0%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,600	34,200	58.3%	Mua
IMP	39,400	54,400	38.1%	Mua
KDH	17,600	38,800	120.5%	Mua
MCH	142,000	148,500	4.6%	Nắm giữ
MWG	73,200	115,600	57.9%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,600	27,500	33.5%	Mua
NLG	24,600	39,400	60.2%	Mua
NT2	20,500	27,700	35.1%	Mua
PHR	61,300	72,800	18.8%	Tăng tỷ trọng
PNJ	39,800	75,500	89.7%	Mua
PVS	39,000	39,900	2.3%	Nắm giữ
PVT	20,450	26,000	27.1%	Mua
POW	12,950	17,500	35.1%	Mua
SAB	45,000	54,900	22.0%	Mua
SSI	20,900	31,200	49.3%	Mua
TLG	51,800	50,000	-3.5%	Giảm tỷ trọng
TCB	32,100	41,700	29.9%	Mua
TCM	17,000	35,300	107.6%	Mua
TRC	88,200	91,800	4.1%	Nắm giữ
VCB	58,700	79,700	35.8%	Mua
VPB	26,950	36,500	35.4%	Mua
VCG	15,800	23,300	47.5%	Mua
VHC	52,100	58,000	11.3%	Tăng tỷ trọng
VNM	61,200	66,650	8.9%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801